TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 5 - 2024
V/v: Ly hôn giữa chị G và anh Gi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Chỉnh;

Ông Nguyễn Văn Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hằng -Thư ký tòa án nhân dân huyện N, tỉnh NĐịnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh NĐịnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Xóm, xã N, huyện N, tỉnh NĐịnh.

- Bị đơn: Anh Lê Xuân Gi, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm, xã N, huyện N, tỉnh NĐịnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 02 năm 2024, bản tự khai ngày 19 tháng 02 năm 2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày: Chị và anh Lê Xuân Gi tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh NĐịnh vào ngày 11/10/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến tháng 02/2021 thì phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh Gi không chung thủy vợ chồng cãi chửi nhau, dẫn đến tình cảm lạnh nhạt, từ tháng 6/2023 vợ chồng chị sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ chung sống với anh Gi được nữa, nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Xuân Gi.

Về con chung: Chị và anh Gi có 03 con chung là cháu Lê Hải D, sinh ngày 21/4/2006; cháu Lê Hải N, sinh ngày 04/8/2008 và cháu Lê Nhật A, sinh ngày

18/02/2010. Hiện cháu D đang ở với anh Gi; 02 con nhỏ ở với chị. Khi ly hôn đối với cháu Lê Hải D đến ngày 21/4/2024 đã đủ 18 tuổi lao động tự lập được cháu ở với ai là quyền của cháu chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn 02 cháu (Hải Nvà Nhật A) chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh Gi có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con như thế nào là tùy anh ấy chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị và anh Gi tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/3/2024 bị đơn anh Lê Xuân Gi trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị G tự do tìm hiểu, tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh NĐịnh vào ngày 11/10/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Năm 2020 anh phát hiện chị G nhắn tin tình cảm với người đàn ông khác, do không kìn chế được bản thân, trong lúc tức giận không làm chủ được bản thân anh cũng nảy sinh tình cảm với người khác, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể đoàn tụ, nên anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của chị G đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị G có 03 con chung tên, tuổi đúng như chị G trình bày. Hiện cháu Lê Hải D, đang ở nhà với anh còn cháu Lê Hải Nvà cháu Lê Nhật A đang ở với chị G. Khi ly hôn anh tiếp tục nuôi cháu D, giao 02 cháu nhỏ cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng. Hiện anh làm tự do thu nhập không ổn định tháng có, tháng không nên anh không đề nghị tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu chị G không đồng ý anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại đơn đề nghị ngày 26/02/2024 khi bố mẹ ly hôn: Cháu D có ý kiến cháu sắp đủ 18 tuổi chỉ ở nhà (hiện anh Gi đang ở) cháu không muốn đi đâu; các cháu Hải Nvà Nhật A có nguyện vọng ở với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh NĐịnh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Áp dụng Điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Gấm và anh Lê Xuân Giảng.

- Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Giao cho chị Gấm tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lê Hải N, sinh ngày 04/8/2008 và Lê Nhật Anh, sinh ngày 18/02/2010. Anh Giảng không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Giảng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội: Chị Gấm phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Lê Văn Gi tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh NĐịnh vào 11/10/2005 nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng với nhau, anh Gi có quan hệ tình cảm với người phục nữ khác, dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Từ tháng 6/2023 anh chị đã sống ly thân không đoàn tụ lại. Nay chị G làm đơn xin ly hôn, anh Gi đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị G và anh Gi không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Lê Văn Gi của chị Nguyễn Thị G là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị G và anh Gi có 03 con chung là cháu Lê Hải D, sinh ngày 21/4/2006; cháu Lê Hải N, sinh ngày 04/8/2008 và cháu Lê Nhật A, sinh ngày 18/02/2010, hiện cháu D đang ở với bố, cháu Nvà cháu Anh đang ở với mẹ.

Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng đương sự và các con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy:

Nay cháu Lê Hải D đã đủ tuổi trưởng thành lao động tự lập được, anh Gi nhận nuôi cháu D và cháu D cũng có ý kiến ở nhà với anh Gi, cháu không đi đâu ở và đó là nguyện vọng của cháu, chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với cháu Lê Hải Nvà cháu Lê Nhật A trong quá trình giải quyết vụ án chị G có nguyện vọng nuôi các con, không yêu cầu anh Gi phải cấp dưỡng, anh Gi đồng ý với ý với nguyện vọng của G, các con Hải Nvà Nhật A cũng có ý kiến khi bố mẹ ly hôn các con xin được ở với mẹ. Như vậy, ý kiến và sự tự nguyên của các đương sự không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giao các con chung là cháu Lê Hải Nvà cháu Lê Nhật A cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp

nhận sự tự nguyện của chị G, anh Gi không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thị G có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị G và anh Lê Văn Gi.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao con chung là cháu Lê Hải N, sinh ngày 04/8/2008 và cháu Lê Nhật A, sinh ngày 18/02/2010 cho chị Nguyễn Thị G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị G, anh Lê Văn Gi không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị G đã nộp theo biên lai số 0004970, ngày 19 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh NĐịnh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Ánh

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh NĐịnh;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N, huyện N;
- Lưu HS.